

Số: 592 /KH-STNMT

Kon Tum, ngày 14 tháng 9 năm 2018

KẾ HOẠCH
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2019
TẠI SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

I. Căn cứ lập Kế hoạch

- Luật Công nghệ thông tin, ngày 29/6/2006;
- Luật Giao dịch điện tử, ngày 29/11/ 2005;
- Luật An toàn thông tin, ngày 19/11/2015;
- Luật An ninh mạng, ngày 12/6/2018;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Quyết định 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 để các Bộ, ngành, địa phương thực hiện trong các năm 2018-2019;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về việc đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT Hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Thông tư số 21/2010/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông : Quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không yêu cầu phải lập dự án;

- Thông tư 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Chỉ thị 03/2011/CT-UBND ngày 13/5/2011 về tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định 859/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 về ban hành kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ và Chương trình 74-CTr/TU ngày 09/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

- Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 về ban hành Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch 2300/KH-UBND ngày 22/9/2016 của UBND tỉnh về Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016–2020;

- Kế hoạch số 357/KH-UBND ngày 25/02/2016 của UBND tỉnh về triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2016-2020;

- Văn bản số 1621/UBND–KGVX ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chương trình công tác số 32/CTr-BCĐƯDCNTT ngày 8/02/2018 của Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh năm 2018;

- Công văn số 1060/STTTT-CNTT ngày 28/8/2018 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2019.

II. Tình hình triển khai Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị năm 2018

1. Môi trường pháp lý

Trong năm qua, Sở Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) tiếp tục quán triệt và thực hiện Chỉ thị 03/2011/CT-UBND ngày 13/5/2011 về tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; Quyết định 859/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 về ban hành kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ và Chương trình 74-CTr/TU ngày 09/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 về ban hành Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch 2300/KH-UBND ngày 22/9/2016 của UBND tỉnh về Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016 – 2020. Kế hoạch số 357/KH-UBND ngày 25/02/2016 của UBND tỉnh về triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2016-2020; Văn bản số

1621/UBND–KGVX ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình công tác số 32/CTr-BCĐUĐCNTT ngày 8/02/2018 của Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh năm 2018.

Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện Luật Công nghệ thông tin, Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin, Luật An ninh mạng và các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước đến các đảng viên, công chức, viên chức.

2. Hạ tầng kỹ thuật

a. Hiện trạng (Phụ lục 2 đính kèm)

- Tỷ lệ trung bình máy tính/CBCC: 66 máy tính/122 cán bộ đạt 54%.

- Tổng số máy chủ tại Sở và các đơn vị trực thuộc: 09 máy.

- Hệ thống mạng LAN: Hiện nay tất cả các máy tính tại khối văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc đều được kết nối Internet và đã có mạng LAN hoạt động tương đối ổn định.

- Đường truyền số liệu chuyên dùng: Sở trang bị một đường truyền số liệu chuyên dùng phục vụ truyền số liệu của CSDL đất đai từ huyện, thành phố về Văn phòng Đăng ký Đất đai.

- Hệ thống bảo đảm an toàn, an ninh thông tin: Toàn bộ hệ thống máy tính tại Sở được trang bị phần mềm diệt virus đạt 100% (gồm phần mềm diệt virus có bản quyền và miễn phí) với 40 máy tính trang bị phần mềm diệt virus có bản quyền và 26 máy tính trang bị phần mềm diệt virus miễn phí.

b. Khó khăn, hạn chế

- Số lượng máy tính cá nhân vẫn còn thiếu, chưa đáp ứng được 01 máy tính/ 01 cán bộ, cán bộ phải tự trang bị máy tính để đáp ứng nhu cầu công việc chuyên môn.

- Khối văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc đã triển khai mạng LAN, tuy nhiên do khối văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc có trụ sở đặt khá xa nhau, trang thiết bị còn hạn chế được phân bổ theo chức năng nhiệm vụ nên mạng LAN chỉ hoạt động theo từng khối đơn vị một, do đó chưa kết nối được mạng WAN trong toàn Sở.

- Nguồn kinh phí còn hạn hẹp, không đủ kinh phí mua sắm trang thiết bị phần cứng và gia hạn các gói phần mềm bảo mật, tường lửa phục vụ công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

3. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan, đơn vị

a. Kết quả đạt được

- Việc sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành tại Sở (eOffice) để phục vụ chỉ đạo, điều hành và tác nghiệp trong công tác chuyên môn nghiệp vụ đã rút ngắn được thời gian và tiết kiệm kinh phí. Hầu hết các văn bản đi, đến đều

được xử lý và lưu trữ trên phần mềm eOffice, có khoảng 95% các văn bản đi, đến trao đổi của Sở đối với các phòng, đơn vị trực thuộc Sở là văn bản điện tử, 100% công chức, viên chức và người lao động sử dụng hệ thống phần mềm eOffice trong công việc. Bên cạnh đó việc thực hiện kế hoạch liên thông hệ thống phần mềm Eoffice của Sở Thông tin và Truyền thông đến nay đã đạt được những kết quả nhất định.

- Đơn vị đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng phần mềm Văn phòng điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum để áp dụng trong toàn Sở (*Quyết định số 54/QĐ - STNMT ngày 12/5/2011*).

- Việc sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ để trao đổi văn bản, tài liệu, phục vụ trong công việc của Sở: Hiện nay Sở được cấp 05 hòm thư công vụ (04 cá nhân và 01 tổ chức), hòm thư điện tử công vụ của Sở thường xuyên được mở và theo dõi để nhận tất cả các văn bản chỉ đạo điều hành, giấy mời... của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và UBND tỉnh. Tình hình sử dụng thư điện tử công vụ để gửi các văn bản đi có tính chất khẩn, đạt tỷ lệ khoảng 70% các văn bản đi của đơn vị.

- Tình hình sử dụng chữ ký số của Sở: Sở đã tích cực triển khai, ứng dụng chữ ký số trong hoạt động trao đổi văn bản điện tử và các hoạt động quản lý, nghiệp vụ. Nhằm tăng cường sử dụng chữ ký số chuyên dùng và phát hành văn bản điện tử trong hoạt động của đơn vị, Sở đã ra Thông báo số 137/TB-STNMT ngày 01/8/2018 về việc phát hành văn bản áp dụng chữ ký số và chứng thư số của Sở TN&MT.

- Hiện nay đơn vị đang sử dụng các phần mềm chuyên ngành để quản lý và xử lý tác nghiệp như: Phần mềm CSDL - SQL Server 2008 Standard; Phần mềm quản lý kho số trên môi trường Internet; Phần mềm quản lý cán bộ; Microstation 95,V7,V8 ; Mapinfor; Bộ Mapoffice (Iras B, Iras C, Geovec, Mrfclean8.0, Famis); Acr GIS Desktop 9.2; Phần mềm in giấy chứng nhận QSD Đất 2014; Phần mềm phục vụ thống kê, kiểm kê đất đai; Phần mềm VILIS 2.0 ; Phần mềm AutoCAD; Phần mềm chuyển đổi hệ toạ độ MapTrans; Phần mềm Văn phòng điện tử Eoffice; Phần mềm kế toán MISA...

b. Khó khăn, hạn chế

- Tuy nhiên việc sử dụng phần mềm Văn phòng điện tử Eoffice cũng còn hạn chế nhất định đó là hạ tầng, trang thiết bị chưa được đầu tư đồng bộ như máy tính có cấu hình thấp, hệ thống đường truyền, mạng chưa đảm bảo hay bị nghẽn, tốc độ truy cập chậm.

- Phần mềm Eoffice server đang cài đặt trên máy chủ Eoffice của Sở thường xuyên bị lỗi (làm treo máy chủ, người dùng không thể đăng nhập vào phần mềm để phục vụ công tác chuyên môn). Giải pháp tạm thời hiện nay cử cán bộ khởi động lại máy chủ hàng ngày sau giờ làm việc. Cán bộ của Sở chưa được chuyên giao công nghệ cài đặt phần mềm Eoffice Server nên không thể tự cài đặt lại phần mềm.

- Hòm thư công vụ cấp cho cá nhân còn hạn chế, chưa được cấp rộng rãi cho cán bộ, công chức, viên chức dẫn đến cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử cá nhân công cộng như Gmail, Yahoo... để trao đổi công việc.

- Văn bản điện tử có chữ ký số đang được áp dụng chưa thống nhất về định dạng, các quy định về chữ ký số trong văn bản còn thiếu và bất cập dẫn đến các phòng, đơn vị trực thuộc Sở còn lúng túng khi áp dụng chữ ký số trong văn bản điện tử.

- Hiện nay đơn vị mới chỉ đầu tư được một số phần mềm bản quyền như: ArcGIS 9.2; bộ phần mềm quản trị hệ cơ sở dữ liệu SQL 2008, phần mềm kế toán MISA, phần mềm quản lý nhân sự và một số phần mềm khác do bộ đầu tư như: Microstation; Phần mềm phục vụ thống kê, kiểm kê đất đai; Phần mềm VILIS 2.0; còn một số phần mềm khác hiện vẫn đang sử dụng phần mềm Crack (lấy từ mạng Internet) thường xuyên bị lỗi gây không ít trở ngại trong quá trình triển khai công việc.

4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

a. Kết quả đạt được

- Sở đã chỉ đạo Trung tâm CNTT TN&MT là đơn vị thường trực thường xuyên quản lý và theo dõi mọi hoạt động của trang thông tin điện tử, đã cung cấp toàn bộ thủ tục hành chính của đơn vị lên Trang thông tin điện tử mức độ 1 và 2; Cập nhật các quy hoạch, kế hoạch của ngành TN&MT; các văn bản chỉ đạo điều hành; lịch công tác tuần, các tin tức, sự kiện ... của Sở được đăng tải kịp thời phản ánh được mọi hoạt động của ngành, từ đó phục vụ công tác tìm hiểu thông tin, quản lý và điều hành.

- Hiện tại Bộ phận một cửa tại Văn phòng Sở và đơn vị trực thuộc chưa được đầu tư Phần mềm quản lý hồ sơ một cửa để áp dụng.

b. Khó khăn, hạn chế

Vì chưa có phần mềm quản lý hồ sơ một cửa nên bộ phận 1 cửa còn hạn chế và ảnh hưởng đến việc giao dịch với người dân và doanh nghiệp.

5. Nguồn nhân lực ứng dụng CNTT

- Hiện tại Lãnh đạo Sở đã phân công cho 01 đồng chí Lãnh đạo phụ trách ứng dụng CNTT và 01 đồng chí chuyên viên tham mưu cho lãnh đạo Sở triển khai ứng dụng CNTT tại đơn vị. Về cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở gồm 6 phòng chuyên môn và 6 đơn vị trực thuộc với tổng số 122 cán bộ. Hầu hết đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đều có chứng chỉ tin học trình độ A hoặc B. Đây là nguồn nhân lực quan trọng cho hoạt động CNTT của đơn vị, có khả năng tiếp cận tương đối nhanh và làm chủ được các ứng dụng khoa học công nghệ trong một số lĩnh vực chuyên môn của ngành.

- Đơn vị hiện có 05 cán bộ có trình độ CNTT gồm: 01 Cử nhân lập trình, 03 Kỹ sư Công nghệ thông tin và 01 Cử nhân Công nghệ thông tin. Trong đó có

04 cán bộ làm công tác chuyên trách CNTT, hiện đang làm việc tại Trung tâm CNTT TN&MT là đơn vị trực thuộc của Sở.

6. Báo cáo kinh phí thực hiện kế hoạch năm 2018

T T	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Dự kiến tổng kinh phí	Nội dung /hạng mục công việc năm 2017	Dự kiến kinh phí năm 2018	Nguồn Kinh phí
1	Nâng cấp trang thông tin điện tử Sở TN&MT	Phù hợp với nhu cầu thực tế. Trang thông tin điện tử do Trung tâm CNTT TN&MT quản lý	Trong năm 2017	Trung tâm CNTT TN &MT	30 triệu	Chỉnh sửa Giao diện và xây dựng mới module cung cấp thông tin người dân và doanh nghiệp	50 triệu	Ngân sách địa phương
2	Bảo trì bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống trang thiết bị công nghệ và Backup dữ liệu	Đảm bảo hệ thống trang thiết bị hoạt động tốt (Tại Trung tâm CNTT TN&MT)	Trong năm 2017	Trung tâm CNTT TN &MT	30 triệu	Bảo trì bảo dưỡng hệ thống trang thiết bị công nghệ và hệ thống mạng và Backup dữ liệu	50 triệu	Ngân sách địa phương
3	Chi trả nhuận bút	Hỗ trợ nhuận bút, thù lao, biên tập tin, bài cho trang thông tin điện tử Sở TN&MT	Trong năm 2017	Trung tâm CNTT TN &MT	30 triệu	Hỗ trợ nhuận bút, thù lao, biên tập tin, bài cho trang thông tin điện tử Sở TN&MT	40 triệu	Ngân sách địa phương

III. Đề xuất giải pháp khắc phục các khó khăn, hạn chế

- Việc sử dụng phần mềm Văn phòng điện tử Eoffice cũng còn hạn chế nhất định; vì vậy cần đầu tư nâng cấp đồng bộ như: nâng cấp hoặc thay thế máy tính có cấu hình thấp, nâng cấp hệ thống đường truyền mạng nhằm đảm bảo tốc độ truyền dữ liệu tránh tình trạng bị nghẽn, tốc độ truy cập chậm.

- Cần sớm triển khai Kế hoạch Chuyển đổi hệ thống phần mềm quản lý văn bản, điều hành eOffice từ mô hình phân tán sang mô hình tập trung trên nền tảng Web và triển khai liên thông đến tất cả các đơn vị trên toàn tỉnh.

- Kiến nghị Sở TT&TT tham mưu UBND tỉnh xây dựng hệ thống thư điện tử công vụ riêng tại tỉnh Kon Tum, đảm bảo việc cung cấp tài khoản đến tất cả các cơ quan đơn vị trong tỉnh nói chung và đến toàn thể cán bộ công chức, viên chức và người lao động nói riêng. Đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, an toàn và bảo mật thông tin.

- Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của chữ ký số tới cán bộ công chức, viên chức và người lao động. Cần sớm có quy định về thể thức, định dạng văn bản điện tử có chữ ký số, các quy trình tạo lập, xử lý, văn thư, lưu trữ, chuyển đổi từ hình thức văn bản giấy sang văn bản điện tử...

- Trong thời gian tới đơn vị tiếp tục đầu tư một số phần mềm bản quyền phục vụ công tác ngành, hạn chế sử dụng phần mềm Crack (lấy từ mạng internet) thường bị lỗi gây không ít trở ngại trong quá trình triển khai công việc.

- Đơn vị tiến hành đầu tư trang bị Phần mềm quản lý hồ sơ một cửa cho Bộ phận một cửa tại Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc, để phục vụ giao dịch với người dân và doanh nghiệp.

IV. Mục tiêu ứng dụng CNTT năm 2019

- Tập trung các nhiệm vụ ưu tiên triển khai năm 2019 phù hợp với các mục tiêu của Kế hoạch hành động ban hành kèm theo Quyết định 859/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của UBND tỉnh, Kế hoạch 2300/KH-UBND ngày 22/9/2016 của UBND tỉnh về Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016 – 2020 trong đó tập trung vào các nội dung sau:

- Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan, đơn vị: ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo, điều hành, ứng dụng CNTT trong quản lý, tài chính, kế toán, ứng dụng văn phòng điện tử.....

- Ứng dụng CNTT phục vụ người dân, doanh nghiệp: cung cấp dịch vụ công trực tuyến (số lượng dịch vụ, mức độ cung cấp), ứng dụng tại bộ phận 1 cửa. Chi hỗ trợ nhuận bút, thù lao, biên tập tin, bài cho trang thông tin điện tử của đơn vị.

- Ứng dụng CNTT trong lĩnh vực khác.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT tại Sở và các đơn vị trực thuộc. Từng bước

hoàn thiện mạng nội bộ của đơn vị, tăng cường công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng cho các hệ thống của Sở.

- Đảm bảo trong năm 2019, có 100% các thông tin chỉ đạo, điều hành của Sở được đưa lên Trang thông tin điện tử của Sở.

- Trang bị máy tính cho công chức và viên chức đạt tỉ lệ 80%.

- Khoản 100% các thông tin trao đổi; gửi, nhận văn bản giữa các cơ quan và Sở trên địa bàn tỉnh được thực hiện trên môi trường mạng.

- Khai thác và sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý và điều hành – eOffice; Phối hợp và triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ hành chính công mức độ 3,4 theo lộ trình của tỉnh.

- Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường ứng dụng chữ ký số trong việc gửi/nhận văn bản điện tử.

- Triển khai thực hiện nội dung văn bản số 1621/UBND–KGVX ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Duy trì hệ thống hồ sơ địa chính và CSDL quản lý đất đai tỉnh Kon Tum; Kết nối CSDL liên thông các huyện, thành phố Kon Tum nhằm đẩy mạnh công tác ứng dụng CNTT trong công tác quản lý đất đai, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày một tốt hơn.

V. Nội dung Kế hoạch năm 2019

1. Hạ tầng kỹ thuật

- Xác định rõ nội dung phát triển hạ tầng kỹ thuật: trang bị máy tính, mạng máy tính trong mỗi đơn vị và giữa đơn vị các cấp, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin... Chú ý phát triển hạ tầng phải hướng tới phục vụ các mục tiêu cụ thể.

- Tiếp tục củng cố và nâng cấp mạng Internet các đường truyền dữ liệu, đáp ứng yêu cầu làm việc trên môi trường mạng của nội bộ khối văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc.

- Kết nối Internet 100% máy tính nội bộ văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc, đảm bảo khả năng truy cập và đăng/tải tài liệu, dữ liệu.

- Tiếp tục duy trì vận hành, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng website Sở TN&MT.

- Trang bị mới máy tính cho các phòng, đơn vị thuộc Sở, thay thế các máy tính (PC) có cấu hình thấp (cũ), hết niên hạn sử dụng tại các phòng ban và đơn vị thuộc Sở, đáp ứng công tác chuyên môn.

- Trang bị các phần mềm chuyên ngành để phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực TN&MT.

- Đảm bảo 100% các máy tính được cài các phần mềm chống virus, phần mềm độc hại. Đầu tư Tường lửa (Firewall) cho toàn bộ các hệ thống máy chủ

của Sở để bảo vệ, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Tuyên truyền đến các các bộ, công chức viên chức và người lao động của Sở thực hiện nghiêm túc Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Tiếp tục thực hiện tốt quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong nội bộ của Sở.

- Thường xuyên sao lưu, dự phòng dữ liệu, đảm bảo an toàn dữ liệu.

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ đơn vị

- Tăng cường sử dụng phần mềm eOffice trong công tác điều hành và xử lý văn bản. Tăng cường công tác thông tin trao đổi; gửi, nhận văn bản giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được thực hiện trên môi trường mạng.

- Sử dụng Trang thông tin điện tử (Website) để chuyên tải những thông tin trong các lĩnh vực hoạt động và quản lý về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum dưới dạng các văn bản pháp qui, thủ tục hành chính, dịch vụ công, quy hoạch, kế hoạch, các thông tin, dữ liệu về về các hoạt động quản lý nhà nước...

- Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường ứng dụng chữ ký số trong việc gửi/nhận văn bản điện tử.

- Sử dụng các phần mềm chuyên ngành như phần mềm Micro Station, Auto CAD, Mapinfor, Famis, Vilis, bộ phần mềm ELIS, ArcGIS 9.2; bộ phần mềm quản trị hệ cơ sở dữ liệu SQL 2008; các phần mềm quản lý tư liệu như: phần mềm quản lý kho số trên môi trường mạng, phần mềm phục vụ kiểm kê, thống kê đất đai ToolTK... trong công tác xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai, môi trường, khoáng sản...

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Công bố công khai các thủ tục hành chính; văn bản chính sách, pháp luật; quy hoạch, kế hoạch đã được xét duyệt trên Trang thông tin điện tử của Sở để người dân và doanh nghiệp biết khai thác, sử dụng.

- Tổ chức các phiên giao lưu trực tuyến trong lĩnh vực quản lý nhà nước về TN&MT với người dân và doanh nghiệp.

- Duy trì dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và chuẩn bị các điều kiện để nâng cấp một số dịch vụ công ở mức độ 3,4 theo Lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Đầu tư xây dựng, triển khai ứng dụng CNTT (Phần mềm quản lý hồ sơ một cửa) tại Bộ phận một cửa của Sở và một số đơn vị trực thuộc Sở.

- Duy trì hệ thống hồ sơ địa chính và CSDL quản lý đất đai tỉnh Kon Tum; Kết nối CSDL liên thông các huyện, thành phố Kon Tum nhằm đẩy mạnh công tác ứng dụng CNTT trong công tác quản lý đất đai, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày một tốt hơn.

4. Xây dựng nhân lực đảm bảo ứng dụng CNTT

- Định hướng bảo đảm nguồn nhân lực ứng dụng CNTT về số lượng, chất lượng từ đào tạo đến đào tạo lại.

- Đề xuất bố trí cán bộ chuyên trách quản lý về an toàn thông tin cho đơn vị; tổ chức đào tạo nâng cao kỹ năng về an toàn thông tin.

- Đào tạo cán bộ CNTT đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng cho Trung tâm CNTT và Văn phòng Sở thông qua triển khai các chương trình, dự án, nhiệm vụ.

- Tăng cường chất lượng nghiên cứu, đào tạo về ứng dụng và phát triển CNTT ở các phòng và đơn vị trực thuộc.

- Cử cán bộ tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ về CNTT và các phần mềm chuyên ngành.

5. An toàn thông tin

- Phân loại, xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin và xây dựng phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Giải pháp phòng, chống mã độc bảo vệ cho 100% máy chủ, máy trạm, thiết bị đầu cuối liên quan và có cơ chế tự động cập nhật phiên bản hoặc dấu hiệu nhận dạng mã độc mới.

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện Triển khai thực hiện nội dung văn bản số 1621/UBND-KGVX ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại, cụ thể:

+ Rà soát việc xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các hệ thống thông tin trong Sở theo Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ.

+ Nghiên cứu đề xuất triển khai các giải pháp phòng, chống mã độc bảo vệ cho 100% máy chủ, máy trạm, thiết bị đầu cuối liên quan và có cơ chế tự động cập nhật phiên bản hoặc dấu hiệu nhận dạng mã độc mới.

VI. Giải pháp

1. Giải pháp tài chính: UBND tỉnh bố trí từ nguồn thu sự nghiệp địa chính, kinh phí khoảng 1,2 tỷ đồng trong năm 2019 để đơn vị triển khai giai đoạn chuẩn bị đầu tư và bố trí đủ nguồn vốn cho các năm tiếp theo để thực hiện nhiệm vụ, dự án.

2. Giải pháp triển khai: Khi triển khai các nhiệm vụ, dự án này các thủ tục hành chính, các dữ liệu về lĩnh vực TN&MT sẽ được cung cấp trên môi trường mạng Internet, thuận tiện khai thác sử dụng, giảm được sự phiền hà, đi lại nhiều lần cho người dân và doanh nghiệp góp phần vào cải cách hành chính.

3. Giải pháp tổ chức: Hiện tại Sở TN&MT đã có 01 đơn vị chuyên trách về lĩnh vực CNTT với đội ngũ nhân lực có đủ khả năng đáp ứng được nhiệm vụ ứng dụng CNTT ngành TN&MT.

4. Giải pháp môi trường chính sách: UBND tỉnh cần có chính sách ưu đãi như chính sách ưu đãi nhân lực CNTT; quy định đặc thù quản lý ứng dụng CNTT... đối với đội ngũ chuyên trách làm công tác CNTT tại các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố.

5. Các giải pháp khác: Mời gọi các tổ chức, cá nhân có năng lực về CNTT đăng ký nghiên cứu, xây dựng và thực hiện các đề tài ứng dụng CNTT trong lĩnh vực TN&MT.

VII. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí, dự kiến kinh phí thực hiện kế hoạch theo các nội dung:

STT	Nội dung dự kiến thực hiện	Thời gian dự kiến thực hiện	Đơn vị chủ trì	Dự kiến kinh phí năm 2019	
				NSDP hoặc NSTU (nếu có)	Nguồn khác
1	Trang bị mới máy tính, máy in cho các phòng, đơn vị thuộc Sở, thay thế các máy tính (PC) có cấu hình thấp (cũ), hết niên hạn sử dụng tại các phòng ban và đơn vị thuộc Sở. Trang bị Firewall cho hệ thống máy chủ tại Sở.	2019	Sở TN&MT	300 triệu	
2	Duy trì hoạt động/nâng cấp tùy biến, bảo trì, bảo dưỡng Trang thông tin điện tử Sở TN&MT	2019	Trung tâm CNTT TN&MT	100 triệu	
3	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ về CNTT và các phần mềm chuyên ngành	2019	Sở TN&MT	80 triệu	

4	Số hóa hồ sơ phục vụ Phần mềm quản lý kho tư liệu TN&MT đưa vào lưu trữ.	2019	Trung tâm CNTT TN&MT	80 triệu	
5	Kinh phí hỗ trợ nhuận bút viết tin bài cho trang thông tin điện tử của Sở và phụ cấp Ban biên tập	2019	Trung Tâm CNTT TN&MT	50 triệu	
6	Phần mềm diệt vi rút	2019	Sở TN&MT	25 triệu	
7	Trang bị phần mềm quản lý hồ sơ một cửa	2019	Sở TN&MT	400 triệu	
	Tổng			1.035 triệu	

2. Lập khái toán (Phụ lục 3)

VIII. Tổ chức thực hiện

- Phòng Kế hoạch – Tài chính cân đối, bố trí nguồn phí để thực hiện kế hoạch này.

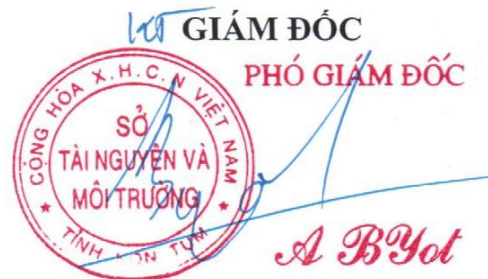
- Văn phòng Sở căn cứ Kế hoạch này tổng hợp vào kế hoạch chung hàng năm của Sở.

- Trung tâm CNTT TN&MT - Sở TN&MT có trách nhiệm làm đầu mối, phối hợp với các phòng, đơn vị trực thuộc Sở triển khai thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Sở.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Sở Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Sở TTTT (tổng hợp);
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở (th/hiện)
- Lưu: VT, TTCNTT_{NV4-5}



PHỤ LỤC 2

HIỆN TRẠNG CNTT ĐẾN NĂM 2018

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-STNMT ngày /9/2018
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Tên đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường

A. THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Năm trang bị	Hiện trạng thiết bị	Ghi chú
I	Văn phòng Sở/ Số CBCC: 10				
1	Máy Server: IBM Mã sản phẩm:3200 CPU: Intel Xeon E5 HDD: 500GB RAM: 4GB	01	2013	Hoạt động tốt	
	Máy Server: IBM Mã sản phẩm: x 3300 M4 CPU: Intel Xeon E5 HDD: 500GB RAM: 4GB	01	2015	Hoạt động tốt	
2	Máy tính để bàn CPU: Intel Core™ 2 Duo E 6550 2.33GHz MAIN: Foxconn RAM: 1Gb HDD: 150GB CD/DVD: DVD MONITOR: CMS	03	2008	Hoạt động tốt	
3	Máy tính để bàn Mã sản phẩm: AOC CPU: Intel Pentium G3220 MAIN: H8/M.S1 RAM: 2Gb HDD: 500GB CD/DVD: DVD MONITOR: AOC	01	2014	Hoạt động tốt	
4	Máy tính xách tay Mã sản phẩm:DELL CPU: Intel core i5 4200 RAM: 4G	01	2014	Hoạt động tốt	

	HDD: 100G CD/DVD: DVD				
5	Máy in Mã sản phẩm: Canon LBP 3050 Canon 2900 Canon 6200	01 01 01	2012 2014 2014	Hoạt động tốt	
6	Máy scan Mã sản phẩm: HP5000S2	01	2014	Hoạt động tốt	
7	Thiết bị mạng Router Hub	01 06		Hoạt động tốt	
II	Phòng Tài nguyên Nước / Số CBCC: 03				
1	Máy tính để bàn Mã sản phẩm CPU: Intel Core™ 2 Duo E 6550 MAIN: Intel RAM: 1GB HDD: 150GB CD/DVD: DVD MONITOR: CMS	01	2008	Hoạt động tốt	
2	Máy tính để bàn Mã sản phẩm CPU: Intel (R) Core™ i3-3240CPU @3.40GHZ MAIN: Intel RAM: 2 GB HDD: 500GB CD/DVD: DVD MONITOR: FPT	01	2014	Hoạt động tốt	
3	Máy in Mã sản phẩm Canon LBP 2900	01	2014	Hoạt động tốt	
III	Thanh tra Sở / Số CBCC: 08				
1	Máy tính để bàn Mã: CPU: Intel Core 2 Dou E6550 @2,33Ghz MAIN: Foxconn	01	2008	Hoạt động tốt	

	RAM: 1GB HDD: 160GB CD/DVD: DVD MONITOR: HP				
2	Máy tính để bàn Mã: CPU: Intel Pentium G2030 3GHz (2CPU) MAIN: Intel RAM: 2 GB HDD: 250GB MONITOR: FPT	01			Hoạt động tốt
3	Máy in: Canon LBP 3300	01			Hoạt động tốt
IV	Chi cục Bảo vệ môi trường/ Số CBCC: 11				
1	Máy tính để bàn CPU: Intel Pentium G2030 2,33Ghz MAIN: Asustek RAM: 2GB HDD: 250 GB MONITOR: HP	01	2015		Hoạt động tốt
2	Máy tính để bàn CPU: Intel Pentium CPU G3220 MAIN: Gigabyte RAM: 2 GB HDD: 500 GB CD/DVD: DVD MONITOR: FPT	01	2015		Hoạt động tốt
3	Máy tính để bàn CPU: Intel Core 2 Duo CPU E6550 MAIN: Foxonn RAM: 1GB HDD: 160 GB CD/DVD: DVD MONITOR: HP	01	2013		Hoạt động tốt
4	Máy tính để bàn CPU: Intel Pentium Dual-				

	core E5200 MAIN: ECS G31T-M7 RAM: 1GB HDD: 250 GB CD/DVD: DVD MONITOR: HP	01	2009	Hoạt động tốt	
5	Máy tính để bàn CPU: Intel core i3 3220 MAIN: Gigabyte Technology Co.Ltd RAM: 2GB HDD: 250 GB CD/DVD: DVD MONITOR: HP Máy in: Canon LBP 3300	01	2015	Hoạt động tốt	
6	Máy Laptop CPU: Intel Mobile core 2 Duo T7250 MAIN: Lenovo 7660 A17 RAM: 1GB HDD: 120 GB CD/DVD: DVD MONITOR: HP	01	2008	Hoạt động tốt	
7	Máy tính để bàn CPU: Intel core i3 3220 MAIN: Gigabyte RAM: 2GB HDD: 250 GB CD/DVD: DVD MONITOR: HP	01	2017	Hoạt động tốt	
8	Máy in: HP Laserjet 1200 series	01		Hoạt động tốt	
9	Máy in: Canon LBP 2900	02	2017	Hoạt động tốt	
V	Phòng Khoáng sản/ Số CBCC: 05				
1	Máy tính để bàn CPU Intel Core i3 2120 @3.30GHz	1	2012	Hoạt động tốt	

	MAIN:ASUS RAM: DDR3 2Gb HDD: 465G CD/DVD: DVD MONITOR: ASUS				
2	Máy tính để bàn CPU: Intel Celeron 341 Celeron@cpu@2.93GHz MAIN: Intel i945g2 rev 09 RAM: DDR2 512Mb HDD: 74G CD/DVD: DVD MONITOR: LCD	1	2003	Xuống cấp	
3	Máy tính để bàn CPU: Intel Pentium G3220@3.00GHz MAIN: H81M-S1 RAM: DDR3 2Gb HDD: 465Gb CD/DVD: DVD MONITOR: LCD	1	2015	Hoạt động tốt	
4	Máy in HP laser P1102	1	2013	Hoạt động tốt	
VI	Chi cục Quản lý đất đai/ Số CBCC: 11				
1	Máy tính để bàn CPU: Intel core 2 Duo E6550 @2,33Ghz MAIN: Foxconn RAM: 1GB HDD: 160GB CD/DVD: DVD MONITOR: HP	04	2009-2010	Xuống cấp, cấu hình thấp, chạy chậm	
2	Máy tính để bàn CPU: Intel core i3 3220 MAIN: Gigabyte RAM: 2GB HDD: 250 GB CD/DVD: DVD MONITOR: HP	02	2017	Hoạt động tốt	

3	Máy in Canon LPB 2900	01	2010	Rulô mòn, hay kẹt giấy	
VII	Phòng Kế hoạch – Tài chính/ Số CBCC: 05				
1	Máy tính để bàn	02	2009		
2	Máy in	02	2009		
VIII	Phòng Đo đạc, bản đồ và viễn thám/ Số CBCC: 05				
1	Máy tính để bàn CPU: Intel(R) core 2 Duo CPU E6550 MAIN: Foxconn-P35A01 RAM: 1.0 GB HDD: 180GB MONITOR: CRT (HP W1972a)	01		BT	
2	Máy tính để bàn CPU: FPT Elead MAIN: SAMSUNG HD322HJ ATA RAM: 2.0 GB HDD: 120 GB MONITOR: Generic PnP	01	2009	Cấu hình máy tính thấp không đáp ứng chạy các ứng dụng	
3	Máy tính để bàn CPU: Intel(R) pentium(R) 4 CPU 2.66GHZ MAIN: Foxconn-35A01 RAM: 512 MB HDD: 50 GB MONITOR: CRT (HP LV191)	01	2003	Cấu hình máy tính thấp không đáp ứng được khi chạy các phần mềm, ứng dụng	
4	Máy tính để bàn CPU: Intel(R) pentium(R) Dual CPU E180 MAIN: ASUSTek - H61M-E RAM: 2 GB HDD: 80 GB MONITOR: CRT (Elead F20RAA)				

5	Máy tính để bàn CPU: Intel(R) pentium(R) G2030 MAIN: ASUSTek - H61M-E RAM: 1 GB HDD: 80 GB MONITOR: CRT (Elead F20RAA)	01	2009	BT	
6	Máy in	2	2010 và 2016	BT	
IX	Trung tâm CNTT TN&MT/ Số CBCC: 09				
1	Máy Server: IBM Mã sản phẩm:3500 CPU: Intel Xeon Proc E5440 (2.83GHz) HDD: 4x500GB RAM: 4GB CD/DVD: DVD MONITOR: LCD UPS: Có	02	2009	Hoạt động tốt	
2	Máy Server: IBM Mã sản phẩm:3400 CPU: Intel Xeon Proc E5410 (2.33GHz) HDD: 2x500GB RAM: 2GB CD/DVD: DVD MONITOR: LCD UPS: Có	02	2009	Hoạt động tốt	
3	Máy tính để bàn CPU: Intel Core 2 Duo CPU E6550 (2x2.33GHz) MAIN: Foxonn RAM: 2GB HDD: 160 GB CD/DVD: DVD MONITOR: HP	08	2009	Hoạt động tốt	
4	Máy tính xách tay Notebook HP Nc 6710b	01	2009	Hoạt động chậm	

	CPU: Centrino Core 2 Duo T7300 (2x2.0GHz) MAIN: Intel GM 965 RAM: 1GB HDD: 160GB CD/DVD: DVD				
5	Máy in Hp T1100-A0 Canon 3500-A3 HP 5000-A3	01 01 01	2009 2005 2003	Hoạt động tốt	
6	Máy scan - HP scanjet G310-A4 - VIDAR Select 600e – A0 - HP scanjet 5590-A4	01 01 01	2009 2009 2016	Hoạt động tốt	
7	Thiết bị mạng - Bộ chuyển mạch – 3Com Baseline Swich 2924-SFP Plus - Router TP LINK - Wireless Lan Access Broadband Router – 3Com - Wireless Access Point – 3Com	02 01 01 01	2009 2012 2009 2009	Hoạt động tốt	
X	Văn phòng Đăng ký đất đai / Số CBCC: 15				
1	Máy chủ Dataserver (MH:653200-B21) HP DL380p Gen8 8-SFF CTO Server 2.6GHz 6core 15MB 80W (8xHP 8GB PC3-14900R-13Kit) (4x300GB 6G SAS 10K 2.5 in SC ENT HDD) (HP12.7mm SATA DVD ROM Jb Kit) (Ethernet 1GbE 4P 331FRL FIO Adptr)	1	2015	Hoạt động bình thường	
2	Máy chủ Web server (MH:654081-B21) HP DL360p Gen8 8-SFF CTO Server 2.6GHz 6core 15MB 80W (4xHP 8GB PC3-14900R-13Kit) (3x300GB 6G SAS 10K	1	2015	Hoạt động bình thường	

	2.5 in SC ENT HDD) (HP12.7mm SATA DVD ROM Jb Kit) (Ethernet 1GbE 4P 331FRL FIO Adptr)				
3	Storage cho hệ thống Data Server - Clustering (MH:E7W02A) (MSA 1040 2Prt 1G iCSI DC SFF Strg) (8xMSA 300Gb 6G SAS 10K 2.5in DP ENT HDD) (HP 3Y 4 hr 24x7 Proactive Care SVC Service) (MSA2000 G3 support)	1	2015	Hoạt động bình thường	
4	Máy tính để bàn CPU: Intel(R) Core(TM) duel - 2.2 GHz - 2.2 GHz RAM: 1GB HDD 320GB	1	2010	Hoạt động bình thường	
5	Máy tính để bàn CPU: Intel(R) Core(TM) duel - 2.2 GHz - 2.2 GHz RAM: 2GB HDD: 320GB	2	2012	Hoạt động bình thường	
6	Máy tính để bàn CPU: Intel(R) Core(TM) i3-4150 CPU 3.5 GHz - 3.5 GHz RAM: 4GB HDD: 500GB	8	2015	Hoạt động bình thường	
7	Máy tính xách tay Máy HP ProBook 440 G1 CPU: Core i5 - 4210M, 14" 2.6GHz/3MB (MH: J7V38PA) RAM: 4GB ,DDR3L HDD: 500GB CD/DVD: DVD	1	2015	Hoạt động bình thường	
8	Máy in Máy in A4 HP Laser 1018 Máy in A4 Canon LBP 2900	1 1	2008 2013	Hoạt động bình thường	

	Máy in A4	1	2014		
	Máy in A3 M706N	1	2015		
	Máy in Lazer A4 (MH:CE461A)	2	2015		
	Máy in A0 - HP T920 (MH:CR354A)	1	2015		
9	Máy Scan Máy quét Hp A3 (MH:L2683B)	1	2015	Hoạt động bình thường	
	Máy quét HP A4 P2035 (MH:L2738A)	1	2015		
XI	Trung tâm phát triển Quỹ đất / Số CBCC: 17				
1	Máy tính để bàn Elead	01	2008	Hoạt động bình thường	
2	Máy tính để bàn FPT	01	2008	Hoạt động bình thường	
3	Máy tính để bàn HP	01	2009	Hoạt động bình thường	
4	Máy tính để bàn FPT G665	01	2009	Hoạt động bình thường	
5	Máy tính để bàn	01	2008	Hoạt động bình thường	
6	Máy tính xách tay Asus	01	2009	Hoạt động bình thường	
7	Máy tính xách tay Vaio	01	2012	Hoạt động bình thường	
8	Máy tính xách tay Dell	01	2009	Hoạt động bình thường	
9	Máy in Canon LPB-1210	02	2006	Hoạt động bình thường	
10	Máy Scan Canon 120	01	2015	Hoạt động bình	

				thường	
XII	Trung tâm Quan trắc và phân tích Môi trường / Số CBCC: 19				
1	Máy vi tính để bàn Mã sản phẩm :VTB CPU:AMD Athlon) II x2 240 processor MAIN: RAM:3G HDD:160G CD/DVD:DVD MONITOR:VTB	1	2009	BT	
2	Máy vi tính để bàn Mã sản phẩm :VTB CPU:Celeron (R)D CPV 3.06 GHZ MAIN:Intel (R) 82945 G Express chipset family RAM:1G HDD:150G CD/DVD:DVD MONITOR:VTB	1	2009	BT	
3	Máy vi tính để bàn Mã sản phẩm :VTB CPU:AMD Athlon (tm) Prprocessor LE-1640 MAIN: RAM:2.61GHz, 098GB HDD:150G CD/DVD:DVD MONITOR:VTB	1	2009	BT	
4	Máy vi tính xách tay Dell inspiron 1545 CPU: Intel (R) core (tm) 2 duo RAM: 2 G HDD:250 G CD/DVD:DVD	1	2009	BT	
5	Máy in Mã sản phẩm Máy Laser shot LBP 1120 Máy canon LBP 2900 Máy in màu (A3)	01 03 01	2003 2009 2011	Hồng BT Hồng	

	Máy in kim ESPON 2170	01	2009	Hồng	
6	Thiết bị mạng : mạng lan phát sóng wifi	2	2011	BT	

B. PHẦN MỀM

TT	Tên Dự án, đề án đầu tư ứng dụng CNTT	Số lượng	Năm triển khai/ thực hiện	Đánh giá		Ghi chú
				Cần thiết	Hiệu quả	
I	Phần mềm, ứng dụng nội bộ					
1	Phần mềm quản lý văn bản	01	2014	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
2	Thư điện tử công vụ	05	2015	<input checked="" type="checkbox"/>		Mới chỉ Sở có, 05 đơn vị trực thuộc chưa có
II	Ứng dụng chuyên ngành, Xây dựng CSDL					
1	Xây dựng CSDL đất đai	01	2014	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
III	Phần mềm, ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp					
1	Trang thông tin điện tử	01	2012	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
2	Dịch vụ công trực tuyến		2012	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Mới chỉ ở mức độ 1,2,3
IV	Phần mềm có bản quyền					
1	Acr GIS	01	2009	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
2	Microsoft SQL 2008	01	2009	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
3	Phần mềm kế toán MISA	07	2017	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
4	Phần mềm quản lý nhân sự	01	2013	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
V	Phần mềm Bộ cấp					
1	Phần mềm phục vụ thống kê, kiểm kê đất đai	01	2015	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
2	Phần mềm VILIS 2.0	01	2015	<input checked="" type="checkbox"/>		

PHỤ LỤC 3

KHAI TOÁN ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2019

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-STNMT ngày /9/2018
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

I. Đơn vị thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường

II. Mục tiêu đầu tư:

- Nâng cấp trang thiết bị CNTT đáp ứng nhu cầu thực tế của Sở.
- Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý. Phục vụ người dân và doanh nghiệp.
- Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng đảm bảo sẵn sàng cho hoạt động ứng dụng CNTT trong Sở.

III. Kinh phí đầu tư

- Xác định tổng mức đầu tư: 1.035.000.000 đồng.
- Nguồn kinh phí: Địa phương.

DVT: 1.000 đồng.

Số TT	Thiết bị	Số lượng	Bảo hành	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	Chi phí xây lắp					
II	Chi phí thiết bị (phần cứng, phần mềm, đào tạo...)					
A	Phần cứng (nêu thông số kỹ thuật)					
1	Máy tính để bàn PC HP 280 G2 W1B93PA (I3-6100) CPU : Intel core i3 6100 3.7GHz - 3M RAM : 4GB DDR4/2133 (2 slots) HDD : 1TB SATA3 7200rpm 3.5" Graphics : Intel HD Graphics 530 Optical : DVDRW Ports : VGA Lan 1G, 6x USB 2.0, 1x DVI, 1x COM, 1x PS2, 2x USB 3.0, Kèm Keyboard + Mouse USB No OS	20	12 t	10.000	200.000	
2	Thiết bị Firewall Fortinet FortiGate FG- 300C Appliance	1	12 t	100.000	100.000	
3	Đào tạo nguồn nhân lực CNTT	4			80.000	
B	Phần mềm (định giá theo công văn hướng dẫn số 2589/BTTTT-UDCNTT)					
1	Phần mềm quản lý hồ sơ một cửa				400.000	HD số 2589/BTTTT-UDCNTT

III	Chi phí tư vấn					
IV	Chi phí quản lý					
V	Chi phí khác có liên quan					
1	Thù lao, nhuận bút, biên tập tin bài cho trang thông tin điện tử				50.000	
2	Duy trì hoạt động/nâng cấp tùy biến, bảo trì, bảo dưỡng Trang thông tin điện tử Sở TN&MT				100.000	
3	Phần mềm diệt vi rút	83	12t	300	25.000	
4	Số hóa hồ sơ phục vụ phần mềm Quản lý kho số trên môi trường mạng				80.000	
Tổng:					1.035.000	
<i>Bảng chữ: (Một tỷ không trăm ba năm triệu đồng)</i>						